

TRƯỜNG THPT LONG THỚI			KẾT QUẢ KIỂM TRA LẠI NĂM HỌC 2020-2021														
TT	Lớp	Họ và tên	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ Văn	Lịch sử	Địa lí	Ngoại ngữ	GDCD	Công Nghệ	Thể dục	GDQP - AN	TB MÔN	Thuộc diện
1	10A1	Lê Đăng Khôi	3.9	5.8	4.9	5.3	6.7	6.5	7.8	5.0	<u>6.5</u>	7.4	6.5	Đ	6.9	6.1	Lên Lớp
2	10A1	Nguyễn Thị Thanh Ngân	3.5	6.4	3.9	5.0	8.2	6.2	8.4	5.9	<u>7.8</u>	5.4	7.5	Đ	9.0	6.4	Lên Lớp
3	10A2	Nguyễn Thái Duy	<u>4.8</u>	4.6	<u>6.0</u>	3.7	6.4	3.5	5.9	5.2	6.7	4.7	6.5	Đ	7.8	5.5	Lên Lớp
4	10A2	Nguyễn Minh Quân	4.1	5.0	<u>8.0</u>	6.4	6.7	6.5	6.7	6.8	5.6	3.8	6.4	Đ	7.1	6.1	Lên Lớp
5	10A3	Hà Đặng Công Minh	3.8	5.2	<u>6.8</u>	3.6	9.9	5.5	5.4	5.3	<u>6.8</u>	4.2	7.0	Đ	6.9	5.9	Lên Lớp
6	10A3	Phan Ngọc Thúy Nga	<u>6.3</u>	6.1	4.5	5.5	9.1	5.5	6.5	5.1	4.1	6.0	8.1	Đ	6.7	6.1	Lên Lớp
7	10A3	Nguyễn Thị Kim Ngọc	4.5	6.7	4.8	5.5	8.9	5.3	7.9	5.2	<u>7.8</u>	6.7	7.0	Đ	7.0	6.4	Lên Lớp
8	10A3	Lê Minh Thạnh	4.3	6.9	6.7	<u>10.0</u>	9.8	<u>5.0</u>	4.7	4.7	3.6	4.4	6.8	Đ	7.1	6.2	Lên Lớp
9	10A3	Nguyễn Thị Lệ Vy	<u>5.0</u>	5.3	<u>8.8</u>	4.2	9.6	5.9	5.8	4.7	<u>7.3</u>	5.8	7.3	Đ	7.7	6.5	Lên Lớp
10	10A5	Lê Hoàng Anh	<u>6.0</u>	6.4	3.7	5.7	6.5	5.5	7.1	5.6	3.6	6.7	6.9	Đ	7.2	5.9	Lên Lớp
11	10A5	Trần Phan Chí Công	4.1	7.5	5.4	6.7	8.0	5.0	7.3	7.2	<u>8.0</u>	8.1	7.5	Đ	7.4	6.9	Lên Lớp
12	10A5	Nguyễn Lê Hải Đăng	<u>4.8</u>	7.3	3.5	4.4	7.7	6.0	6.8	6.9	4.6	5.1	7.2	Đ	7.6	6.0	Lên Lớp
13	10A5	Cao Như Huỳnh	4.0	7.3	3.8	8.0	6.9	6.4	8.9	6.7	<u>7.3</u>	7.7	7.3	Đ	7.3	6.8	Lên Lớp
14	10A5	Trần Minh Khang	<u>8.3</u>	6.6	<u>9.8</u>	7.2	6.7	5.2	6.9	7.0	<u>7.8</u>	6.9	6.7	Đ	7.8	7.2	Lên Lớp
15	10A5	Nguyễn Phạm Trọng Tính	3.9	5.9	<u>8.0</u>	6.2	6.4	5.3	6.6	7.0	<u>5.5</u>	5.5	6.7	Đ	8.0	6.3	Lên Lớp
16	10A5	Trần Ngọc Yến Vy	Vắng	6.2	4.1	5.8	7.9	5.5	7.1	4.5	4.9	6.6	7.2	Đ	8.2	6.2	Ở lại
17	10A6	Bùi Thanh Hiếu	4.1	6.6	6.2	6.2	7.5	5.8	8.0	6.4	<u>7.8</u>	7.0	7.9	Đ	7.8	6.8	Lên Lớp

18	10A6	Trần Phúc Sang	3.5	5.2	5.2	5.6	7.7	<u>7.0</u>	8.0	5.8	4.0	6.4	7.9	Đ	7.6	6.2	Lên Lớp
19	10A6	Lê Quỳnh Trâm	4.1	5.4	<u>3.5</u>	<u>8.5</u>	7.5	5.0	7.5	5.3	5.0	5.3	6.9	Đ	7.4	6.0	Lên Lớp
20	10A7	Phạm Nguyễn Trâm Anh	<u>5.0</u>	4.9	5.4	6.1	7.6	6.2	7.6	6.0	4.0	6.8	7.0	Đ	7.9	6.2	Lên Lớp
21	10A7	Lê Trung Hiếu	<u>6.5</u>	7.0	4.8	6.0	7.4	5.9	8.4	6.4	5.3	7.4	7.3	Đ	7.7	6.7	Lên Lớp
22	10A7	Trần Minh Hòa	<u>4.3</u>	6.8	5.0	7.3	8.2	5.9	7.7	6.7	6.4	7.3	7.4	Đ	8.2	6.8	Lên Lớp
23	10A7	Nguyễn Lê Phương Hy	<u>5.0</u>	6.5	4.1	6.8	7.5	6.4	7.6	6.2	4.2	6.9	7.2	Đ	7.7	6.3	Lên Lớp
24	10A7	Trần Thiện Phú	<u>5.0</u>	6.0	6.4	6.0	8.2	5.4	7.5	6.1	4.5	7.5	7.2	Đ	7.6	6.5	Lên Lớp
25	10A7	Phạm Thị Hồng Yến	3.8	5.0	4.1	<u>9.8</u>	6.2	5.5	7.4	5.7	4.7	4.2	6.9	Đ	8.2	6.0	Lên Lớp
26	10A8	Trần Nguyễn Mộng Kiều	<u>5.0</u>	7.1	4.9	8.6	9.7	6.4	7.7	7.2	4.6	7.9	8.0	Đ	7.7	7.1	Lên Lớp
27	10A8	Nguyễn Thị Trúc Ly	<u>5.5</u>	6.3	3.8	7.2	9.7	5.8	8.1	6.8	<u>7.0</u>	5.9	7.6	Đ	7.4	6.8	Lên Lớp
28	10A8	Trần Nhựt Minh	<u>5.8</u>	5.7	3.8	6.8	9.5	5.4	7.6	6.0	<u>8.0</u>	7.2	7.6	Đ	7.9	6.8	Lên Lớp
29	10A8	Nguyễn Thị Thiên Ngân	<u>4.3</u>	6.1	3.6	6.7	9.3	6.1	7.1	6.6	3.8	6.4	7.0	Đ	7.7	6.2	Lên Lớp
30	10A8	Quang Trần Kim Ngân	<u>7.3</u>	7.4	3.5	8.2	9.9	6.9	8.3	7.2	4.6	7.6	7.6	Đ	7.7	7.2	Lên Lớp
31	10A8	Phạm Thị Yến Nhi	<u>7.3</u>	7.1	5.3	8.2	9.5	5.6	7.9	5.9	4.4	7.1	8.4	Đ	7.7	7.0	Lên Lớp
32	10A8	Võ Hoài Phú	<u>6.5</u>	6.5	4.6	6.1	9.5	5.3	7.3	5.9	3.5	6.6	7.7	Đ	8.7	6.5	Lên Lớp
33	10A8	Lê Thanh Thúy	<u>6.0</u>	6.4	5.0	7.3	10.0	6.0	7.2	6.3	5.4	6.8	7.9	Đ	8.2	6.9	Lên Lớp
34	10A8	Lê Thị Thanh Thúy	4.3	7.5	6.5	5.8	9.9	<u>5.5</u>	6.4	5.1	4.6	6.7	7.4	Đ	7.8	6.5	Lên Lớp
35	10A8	Nguyễn Thanh Tuyền	<u>5.8</u>	6.4	4.5	7.6	10.0	5.7	6.2	5.8	<u>7.5</u>	6.6	6.5	Đ	7.5	6.7	Lên Lớp
36	10A8	Phạm Lê Xuân Vy	<u>7.5</u>	7.1	3.7	7.6	10.0	6.6	7.0	6.7	4.6	6.2	8.2	Đ	7.7	6.9	Lên Lớp
37	11A1	Nguyễn Tuấn Anh	4.6	6.9	<u>8.5</u>	5.4	6.0	6.4	8.3	5.8	<u>8.5</u>	6.1	6.1	Đ	6.1	6.8	Lên Lớp
38	11A1	Lê Trường Hải	4.9	6.3	4.8	5.8	8.5	5.9	5.8	5.4	<u>8.8</u>	6.1	7.1	Đ	6.1	6.5	Lên Lớp

39	11A1	Trần Huyền Tiểu My	<u>5.0</u>	6.5	5.0	6.4	6.7	6.8	7.7	7.1	<u>8.5</u>	7.7	6.1	Đ	6.1	6.8	Lên Lớp
40	11A1	Nguyễn Phương Ngọc Mỹ	<u>5.0</u>	6.0	4.0	5.6	6.9	6.4	7.1	5.7	<u>9.0</u>	6.7	7.6	Đ	7.1	6.6	Lên Lớp
41	11A1	Nguyễn Thành Nhân	5.3	7.6	4.7	6.1	6.2	5.9	6.7	6.6	<u>8.0</u>	6.6	6.1	Đ	7.1	6.6	Lên Lớp
42	11A1	Đinh Nguyễn Yến Như	<u>4.3</u>	5.3	3.7	6.3	6.3	7.1	6.7	5.9	<u>6.5</u>	6.7	6.1	Đ	6.1	6.1	Lên Lớp
43	11A1	Võ Hồng Thảo	4.7	6.2	5.1	5.7	7.8	6.7	5.6	6.6	<u>9.3</u>	6.4	6.1	Đ	6.1	6.6	Lên Lớp
44	11A1	Nguyễn Văn Thịnh	<u>4.0</u>	7.5	5.5	7.2	7.7	6.6	7.2	7.3	3.9	7.6	6.1	Đ	6.1	6.6	Lên Lớp
45	11A1	Nguyễn Minh Thư	4.2	4.2	3.7	5.1	7.9	6.5	6.2	6.2	<u>7.8</u>	5.9	6.1	Đ	6.1	6.0	Lên Lớp
46	11A2	Hà Ngọc Thạch	<u>4.0</u>	4.2	4.7	3.5	6.8	<u>5.3</u>	6.1	5.3	4.2	5.2	4.1	Đ	5.1	5.2	Lên Lớp
47	11A3	Nguyễn Ngọc Khánh Ly	4.7	6.4	4.1	7.3	6.6	5.9	7.6	7.7	<u>7.8</u>	7.4	7	Đ	6.1	6.6	Lên Lớp
48	11A3	Nguyễn Xuân Phát	<u>3.5</u>	4.1	<u>3.5</u>	<u>4.0</u>	5.8	5.3	4.9	4.7	<u>7.3</u>	4.4	4.1	Đ	6.1	5.0	Lên Lớp
49	11A3	Nguyễn Hoàng Phú	4.1	7.3	4.5	7.3	7.3	5.8	6.3	6.3	<u>8.0</u>	6.9	6.8	Đ	6.1	6.5	Lên Lớp
50	11A4	Võ Châu Phát Đạt	<u>5.0</u>	5.4	6.3	7.9	8.6	6.3	7.8	8.5	<u>7.0</u>	7.4	6.2	Đ	6.1	7.0	Lên Lớp
51	11A4	Trịnh Minh Hiếu	<u>6.5</u>	4.5	6.2	5.1	9.5	6.1	6.4	5.7	4.3	6.5	5.1	Đ	7.1	6.3	Lên Lớp
52	11A4	Phạm Quang Huy	<u>4.5</u>	3.7	7.4	3.7	9.2	<u>5.5</u>	4.5	<u>10.0</u>	3.7	<u>6.0</u>	5.1	Đ	8.1	6.1	Lên Lớp
53	11A4	Trương Nhật Nam	3.6	5.3	6.7	4.4	9.0	5.3	6.2	5.6	<u>8.0</u>	5.9	6.1	Đ	7.1	6.3	Lên Lớp
54	11A4	Phạm Ngọc Thái	4.5	6.2	9.5	6.0	8.5	5.8	6.1	7.8	<u>9.0</u>	6.1	4.1	Đ	8.3	7.0	Lên Lớp
55	11A4	Nguyễn Quốc Tuấn	3.9	4.9	7.1	4.5	9.0	5.9	5.8	6.4	<u>7.3</u>	6.1	5.1	Đ	7.1	6.3	Lên Lớp
56	11A5	Lương Thị Thúy Ái	5.1	7.0	5.4	4.7	7.7	5.9	7.0	7.2	<u>8.0</u>	7.6	5.1	Đ	6.1	6.6	Lên Lớp
57	11A5	Nguyễn Văn Minh Đức	3.5	6.3	4.0	6.3	7.3	5.3	7.3	6.8	<u>7.8</u>	6.1	3.1	Đ	7.7	6.1	Lên Lớp
58	11A5	Nguyễn Trường Giang	6.4	7.2	5.0	5.8	8.5	6.3	6.7	5.1	<u>7.5</u>	7.6	3.1	Đ	6.1	6.6	Lên Lớp
59	11A5	Huỳnh Đức Huy	5.3	6.0	4.1	5.6	8.0	5.4	5.8	5.7	<u>6.5</u>	6.3	4.1	Đ	6.1	6.0	Lên Lớp

60	11A6	Nguyễn Hồng Anh	Vắng	4.5	Vắng	6.4	9.9	5.6	6.9	6.2	5.5	5.8	5.1	Đ	5.1	6.3	Ở lại
61	11A6	Đặng Thanh Hà	3.0	4.9	3.9	6.1	9.3	6.9	5.2	5.9	4.2	5.0	5.1	Đ	6.1	5.7	Ở lại
62	11A6	Nguyễn Thị Kiều Loan	5.7	5.7	6.0	5.6	9.1	6.4	4.5	5.8	4.5	6.3	6.1	Đ	6.1	6.2	Lên Lớp
63	11A7	Chu Mạnh Dũng	5.2	5.9	9.3	6.8	5.8	4.7	5.4	6.0	4.0	5.7	6.1	Đ	7.1	6.2	Lên Lớp
64	11A7	Lê Tiến Đạt	4.3	6.2	4.0	5.6	8.8	4.9	6.8	6.0	4.1	6.8	5.1	Đ	6.1	5.9	Ở lại
65	11A7	Nguyễn Mai Trọng Phúc	5.0	6.0	4.1	5.1	6.9	5.7	5.2	6.1	3.5	5.9	4.1	Đ	6.1	5.6	Lên Lớp
66	11A7	Nguyễn Công Thành	5.3	7.2	4.3	6.2	6.1	6.0	5.9	6.7	8.5	6.0	5.1	Đ	7.1	6.4	Lên Lớp
67	11A8	Huỳnh Tấn Cường	5.5	7.0	7.2	5.2	7.0	5.6	6.1	5.8	3.6	6.1	5.1	Đ	7.1	6.1	Lên Lớp
68	11A8	Hoàng Tuấn Đạt	5.0	5.1	3.7	6.8	6.6	5.5	7.3	8.7	4.0	5.9	6.1	Đ	7.7	6.1	Lên Lớp
69	11A8	Lê Kim Ngân	3.8	5.8	3.6	7.7	7.0	6.5	8.0	8.0	3.7	6.8	5.1	Đ	8.6	6.4	Lên Lớp
70	11A8	Trần Ngọc Phi	3.5	5.9	4.2	8.5	6.9	5.8	8.5	7.9	7.3	7.1	4.1	Đ	6.1	6.6	Lên Lớp
71	11A8	Nguyễn Thị Thanh Thúy	3.5	6.9	5.3	6.7	7.7	6.5	8.7	9.3	8.5	8.1	6.1	Đ	7.1	7.3	Lên Lớp
72	11A8	Trần Thị Thu Thủy	3.8	6.7	9.0	6.2	7.1	7.4	7.4	6.8	6.0	7.2	5.1	Đ	6.1	6.8	Lên Lớp
73	11A8	Đinh Thị Thúy Yến	4.0	5.4	4.5	5.8	6.6	5.9	5.7	5.1	4.6	5.2	6.1	Đ	7.1	5.7	Lên Lớp
												Long Thới, ngày 29 tháng 8 năm 2021					
												Hiệu trưởng					
												BÙI MINH BÌNH					